



2022-2023 年度 上學期守時比賽

	9 月	10 月	11 月	12 月	1 月
冠軍	5C	1C	1C	5B	5C
亞軍	1B, 2C, 4B	2A, 3C, 4C, 5C	6C	1C	4A
季軍	3C	1A	5B	4C	1A, 2A